

Bản án số: 103/2025/HNGĐ-ST

Ngày 16 – 5 – 2025

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Dũng Liêm

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Minh Trọn

Ông Đào Việt Khái

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Châu Sơn Ca là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Tân, tỉnh Cà Mau.

Ngày 16 tháng 5 năm 2025 tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2025/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2025 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 91/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1983 (vắng mặt).

- *Bị đơn:* Ông Quách Văn P, sinh năm 1972 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp V, xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Bà T trình bày:

- Về hôn nhân: Bà và ông P chung sống với nhau năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau nhưng hiện nay giấy chứng nhận kết hôn đã bị mất. Quá trình chung sống thời gian đầu hạnh phúc nhưng thời gian sau giữa ông bà thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính cách không hợp hay cự cãi, ông P thường uống rượu không quan tâm đến gia đình nên ông bà đã ly thân từ tháng 11 năm 2019 đến nay. Nay bà T xác định cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên yêu cầu được ly hôn với ông P.

- Về con chung: Có 01 con chung là Quách Bảo T1, sinh ngày 27/11/2002, hiện nay con đã trưởng thành có thể tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bà T yêu cầu xét xử vắng mặt, ông P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự là đúng quy định.

[2] Về hôn nhân: Theo bà T xác định bà và ông P chung sống với nhau năm 2001, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, tỉnh Cà Mau, tuy nhiên quá trình giải quyết bà T và ông P không cung cấp được giấy chứng nhận kết hôn, tại văn bản xác nhận ngày 02/7/2024 của Ủy ban nhân dân xã P xác định không có tên của ông Quách Văn P và bà Nguyễn Thị T trong sổ bộ đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã, do đó Hội đồng xét xử xác định bà T và ông P không có đăng ký kết hôn.

Xét thấy, theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Nam, nữ đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của vợ chồng...”*. Đối chiếu với quy định trên, Hội đồng xét xử không xem xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến đương sự yêu cầu xin ly hôn mà căn cứ khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận quan hệ vợ chồng giữa hai đương sự là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[3] Về con chung: Hiện con chung đã trưởng thành, có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân, đương sự không có yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Bà T xác định không có, ông P không có ý kiến gì nên không đặt ra xem xét, trường hợp có phát sinh tranh chấp về các vấn đề này sẽ được xem xét, giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về án phí: Theo khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì bà T phải chịu 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị T và ông Quách Văn P là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003974 ngày 27/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, bà T đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký

Hồ Dũng Liêm

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Trọn

Đào Việt Khái

Hồ Dũng Liêm